TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 10 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Bằng.

Ông Dương Hữu Ưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1985, tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Xuân L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có chồng: Dương Đức Q, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật và bị xử lý lần nào; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2019 đến ngày 17/01/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn được áp dụng biện pháp bảo lĩnh và tại ngoại tại nơi cư trú đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Dương Đức Q, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 119, khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Chị Dương Thị N1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Chị Dương Thị N2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Chị Dương Thị Kim O, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị Ngọc N, sinh năm 1985, trú tại khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là giáo viên mầm non. Do có quan hệ quen biết với nhiều giáo viên khác có nhu cầu vay tiền nên từ năm 2018 Lý Thị Ngọc N cho một số người vay tiền mặt có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và số tiền vay với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015. Những trường hợp vay tiền đều được xác lập giấy vay tiền hoặc ghi chép sổ sách để theo dõi và tính phần trăm (%) lãi suất khác nhau. Trong quá trình cho vay, việc tính lãi suất đối với người vay dựa trên số tiền vay gốc và theo sự thỏa thuận giữa hai bên. Tùy từng trường hợp cụ thể mà thời gian tính tiền thu lợi bất chính được tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến ngày tương ứng với số tiền lãi đã thanh toán hoặc thời điểm thanh toán nợ cuối hoặc thời điểm đã tính toán chốt nợ lần cuối với người vay; đồng thời áp dụng cách tính % lãi suất theo quy định của Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng cụ thể như sau:

1. Trường hợp của Nguyễn Thị A, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Với lãi suất mà Lý Thị Ngọc N cho Nguyễn Thị A vay là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương ứng với 182,5%/01 năm. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm, tức là chỉ tương ứng với 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/8/2019 Nguyễn Thị A đứng tên vay Lý Thị Ngọc N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 21/9/2019 A trả lãi cho N 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tương ứng với 24 ngày tiền lãi và trả tiền nợ gốc 13.300.000 đồng (mười ba triệu ba trăm nghìn đồng), A và N thỏa thuận số tiền nợ gốc còn lại là 36.700.000 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh sẽ do Dương Thị N1, sinh năm 1989, trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn trả cho N vì ngày 28/8/2019 sau khi vay được tiền với N thì A đưa cho Dương Thị N1 vay 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng). N1 cũng đồng ý thỏa thuận này với A nên ngày 26/9/2019 N1 đến trả lãi thì N tính lãi của số tiền nợ gốc còn lại từ ngày 21/9/2019 đến ngày 26/9/2019 là 06 ngày nên tiền lãi là 1.101.000 đồng (một triệu một trăm linh một nghìn đồng) làm tròn là 1.100.000 đồng (một

triệu một trăm nghìn đồng), N1 trả cho N số tiền lãi này và trả hết tiền nợ gốc 36.700.000 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Như vậy, A và N1 đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng từ khoản vay thứ nhất là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 50 triệu đồng x 24 ngày là: 657.534 đồng (sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng (năm triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng). Tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng đối với khoản vay 36.700.000 đồng tính từ ngày 21/9/2019 là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 36.700.000 đồng x 06 ngày = 120.657,489 đồng (một trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm bảy phẩy bốn trăm tám mươi chín đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 1.100.000 đồng - 120.657,489 đồng = 979.342,511 đồng (chín trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm bốn hai phẩy năm trăm mười một đồng).

Lần thứ hai: Ngày 29/8/2019 A vay N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 10 ngày trả lãi một lần. Ngày 04/8/2019 A trả lãi suất cho N 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) tương ứng với 07 ngày tiền lãi và trả hết tiền nợ gốc.

Như vậy, A đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 20 triệu đồng x 07 ngày = 76.712,3 đồng (bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 700.000 đồng - 76.712,3 đồng = 623.287,7 đồng (sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy phẩy bảy đồng).

2. Trường hợp của Dương Thị N1, sinh năm 1989, trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Với lãi suất mà Lý Thị Ngọc N cho Dương Thị N1 vay tương ứng với 182,5%/01 năm (đối với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày) và 219,05%/01 năm (đối với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày). Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm, tức là chỉ tương ứng với 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 31/3/2019 Dương Thị N1 vay Lý Thị Ngọc N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền lãi và gốc. Ngày 10/4/2019, Dương Thị N1 trả lãi suất cho Lý Thị Ngọc N 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng với 10 ngày tiền lãi và trả hết số tiền nợ gốc.

Như vậy, N1 đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 30 triệu đồng x 10 ngày = 164.383,5 đồng (một trăm sáu tư nghìn ba trăm tám ba phẩy năm đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là:

1.500.000 đồng - 164.383,5 đồng = 1.335.616,5 đồng (một triệu ba trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy năm đồng).

Lần thứ hai: Ngày 19/7/2019 N1 vay N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 30 ngày trả tiền lãi một lần vào ngày đầu của kỳ tính lãi. Khi vay tiền N1 trả lãi suất của 30 ngày đầu tiên từ 19/7/2019 đến 19/8/2019 là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tháng tiếp theo do chưa trả được tiền nợ gốc nên ngày 21/8/2019 N1 tiếp tục trả lãi suất cho Lý Thị Ngọc N lần thứ hai tính từ ngày 19/8/2019 đến ngày 19/9/2019 là 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng) tương ứng với 30 ngày tiền lãi (vì Dương Thị N1 trả chậm 02 ngày nên N phạt thêm 01 triệu đồng do đó tiền lãi là 31 triệu đồng) và chưa trả tiền vay gốc. Sau đó biết N1 không có khả năng trả lãi nên N không tính lãi đối với khoản vay này nữa và cũng chưa chốt sổ với N1 lần nào.

Như vậy, N1 đã trả lãi suất cho N 02 lần tương ứng với 60 ngày. Sau đó N không tính lãi nữa và cũng chưa chốt sổ với N1. Vậy từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm trả lãi lần cuối tương ứng với 60 ngày tiền lãi. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 200 triệu đồng x 60 ngày = 6.575.340 đồng (sáu triệu năm trăm bẩy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 61.000.000 đồng – 6.575.340 đồng = 54.424.660 đồng (năm mươi tư triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Lần thứ ba: Ngày 05/8/2019 N1 vay N 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất với khoản vay này là 6.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 10 ngày trả lãi một lần. Khi vay tiền N1 trả lãi suất của 10 ngày đầu tiên từ 05/8/2019 đến 14/8/2019 là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Ngày 14/8/2019 do chưa trả được tiền nợ gốc nên Dương Thị N1 tiếp tục trả tiền lãi suất của 10 ngày tiếp theo từ ngày 15/8/2019 đến 24/8/2019 là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Ngày 21/8/2019 Dương Thị N1 trả toàn bộ số tiền gốc cho Lý Thị Ngọc N là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Như vậy, tính đến ngày 21/8/2019, N1 đã trả lãi suất cho N 02 lần tương ứng với 20 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 100 triệu đồng x 20 ngày = 1.095.890 đồng (một triệu không trăm chín lăm nghìn tám trăm chín mươi nghìn đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 12.000.000 đồng - 1.095.890 đồng = 10.904.110 đồng (mười triệu chín trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng).

Lần thứ tư: Ngày 22/8/2019 N1 vay N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 30 ngày trả tiền lãi một lần. Từ ngày 06/9/2019, biết Dương Thị N1 không có khả năng trả lãi của khoản vay nữa nên N không tính lãi suất mà chỉ yêu cầu N1 trả số tiền nợ gốc cho mình. Từ ngày 06/9/2019 đến 24/10/2019, N1 đã

trả nợ gốc cho Lý Thị Ngọc N 07 lần với tổng số tiền 198.200.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), chưa trả lãi suất lần nào.

Như vậy, từ ngày giao kết hợp đồng 22/8/2019 thì đến ngày 06/9/2019 N không tính lãi suất đối với khoản vay này nữa và cũng chưa chốt nợ với N1 đồng thời chưa thu tiền lãi từ khoản vay này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định số tiền mà Lý Thị Ngọc N tính để thu lợi bất chính và số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ năm: Ngày 19/9/2019 N1 vay N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 08/10/2019 N1 trả lãi suất cho N là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tương ứng với 20 ngày tiền lãi và chưa trả tiền vay gốc. Từ ngày 08/10/2019 N không tính lãi suất đối với khoản vay này nữa.

Như vậy, tính đến ngày 08/10/2019, N1 đã trả lãi suất cho N 01 lần tương ứng với 20 ngày tiền lãi. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 20 triệu đồng x 20 ngày = 219.178 đồng (hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy tám nghìn đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng - 219.178 đồng = 1.780.822 đồng (một triệu bẩy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng).

Lần thứ sáu: Ngày 24/8/2019 N1 vay N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Khoản vay này N1 chưa trả lãi suất và tiền vay gốc cho N lần nào. Từ ngày 06/9/2019 N không tính lãi suất đối với khoản vay này nữa.

Như vậy, từ ngày giao kết hợp đồng 24/8/2019 thì đến ngày 06/9/2019 N không tính lãi suất đối với khoản vay này nữa và cũng chưa chốt nợ với N1 đồng thời chưa thu tiền lãi từ khoản vay này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định số tiền mà Lý Thị Ngọc N tính để thu lợi bất chính và số tiền thu lợi bất chính.

3. Trường hợp Dương Thị Kim O, sinh năm 1987, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Với lãi suất mà Lý Thị Ngọc N cho Dương Thị Kim O vay là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương ứng với 182,5%/01 năm. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm, tức là chỉ tương ứng với 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 22/8/2018 O vay N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 28/8/2018 O trả lãi suất cho N 700.000 đồng (bẩy trăm nghìn đồng) tương ứng với 07 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 20 triệu đồng x 07 ngày = 76.712,3 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 700.000 đồng – 76.712,3 đồng = 623.287,7 đồng (sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám bẩy phẩy bẩy đồng).

Lần thứ hai: Ngày 01/02/2019 O vay N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 31/3/2019 O trả lãi suất cho N 14.750.000 đồng (mười bốn triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng với 59 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 50 triệu đồng x 59 ngày = 1.616.437,75 đồng (một triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba bẩy phẩy bẩy năm đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 14.750.000 đồng – 1.616.437,75 đồng = 13. 133.562,25 đồng (mười ba triệu một trăm ba ba nghìn năm trăm sáu hai phẩy hai lăm đồng).

Lần thứ ba: Cũng trong ngày 01/02/2019 O vay N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 21/3/2019 O trả lãi suất cho N 7.350.000 đồng (bẩy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng với 49 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 30 triệu đồng x 49 ngày = 805.479,15 đồng (tám trăm linh năm nghìn bốn trăm bẩy chín phẩy mười lăm đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 7.350.000 đồng – 805.479,15 đồng = 6.544.520,85 đồng (sáu triệu năm trăm bốn bốn nghìn năm trăm hai mươi phẩy tám lăm đồng).

Lần thứ tư: Ngày 05/6/2019 O vay N 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 21/6/2019 O trả lãi suất cho N 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tương ứng với 16 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 60 triệu đồng x 16 ngày = 526.027,2 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 4.800.000 đồng – 526.027,2 đồng = 4.273.972,8 đồng (bốn triệu hai trăm bẩy mươi ba nghìn chín trăm bẩy hai phẩy tám đồng).

Lần thứ năm: Ngày 27/6/2019 O vay N 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 15/7/2019 O trả lãi suất cho N 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) tương ứng với 19 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 40 triệu đồng x 19 ngày = 416.438,2 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 3.800.000 đồng – 416.438,2 đồng = 3.383.561,8 đồng (ba triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm sáu mốt phẩy tám đồng).

Lần thứ sáu: Ngày 13/6/2019 O vay N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu

đồng/01 ngày. Ngày 19/6/2019 O trả lãi cho N số tiền lãi là 700.000 đồng (bẩy trăm nghìn đồng) tương ứng với 07 ngày tiền lãi và trả toàn bộ nợ gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 20 triệu đồng x 07 ngày = 76.712,3 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 700.000 đồng – 76.712,3 đồng = 623.287,7 đồng (sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám bẩy phẩy bẩy đồng).

Lần thứ bẩy: Ngày 01/7/2019 O vay N 75.000.000 đồng (bẩy mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 10/7/2019 O trả lãi suất cho N 3.750.000 đồng (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng với 10 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 75 triệu đồng x 10 ngày = 410.958,75 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 3.750.000 đồng – 410.958,75 đồng = 3.339.041,24 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mốt phẩy hai tư đồng).

Lần thứ tám: Ngày 23/7/2019 O vay N 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 02/8/2019 O trả lãi suất cho N 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tương ứng với 10 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc.

Như vậy, O đã thực hiện xong hợp đồng với N. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng x 40 triệu đồng x 10 ngày = 219.178 đồng. Số tiền N thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng – 219.178 đồng = 1.780.822 đồng (một triệu bẩy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Lần thứ chín: Ngày 15/7/2019 O vay N 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 30 ngày trả lãi một lần. Tính đến ngày 13/8/2019 O đã trả lãi suất cho N 18.750.000 (mười tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng với 30 ngày tiền lãi.

Như vậy, tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 125 triệu đồng x 30 ngày = 2.054.793,75 đồng (hai triệu không trăm năm tư nghìn bẩy trăm chín ba phẩy bẩy lăm đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 18.750.000 đồng - 2.054.793,75 đồng = 16.695.206,25 đồng (mười sáu triệu sáu trăm chín lăm nghìn hai trăm linh sáu phẩy hai lăm đồng).

Lần thứ mười: Ngày 04/8/2019 O vay N 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ 10 ngày trả lãi một lần. Tính đến ngày 13/8/2019 O đã trả lãi suất cho N 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng với 10 ngày tiền lãi.

Như vậy, tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 43 triệu đồng x 10 ngày = 235.616,35 đồng (hai trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy ba lăm đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 2.150.000 đồng - 235.616,35 đồng = 1.914.383,65 đồng (một triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm tám mươi ba phẩy sáu lăm đồng).

Từ ngày 13/8/2019 sau khi O trả cho N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trong đó trả tiền lãi là 18.750.000 + 2.150.000 đồng = 20.900.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng), số tiền còn lại là 9.100.000 đồng (chín triệu một trăm nghìn đồng) N trừ vào tiền nợ gốc của cả hai khoản vay ngày 15/7/2019 (125 triệu đồng) và 04/8/2019 (43 triệu đồng) là: (125.000.000 đồng + 43.000.000 đồng) – 9.100.000 đồng = 158.900.000 đồng, làm tròn thành 159.000.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu đồng) tiền nợ gốc và tính thành khoản vay mới với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 24/8/2019 O trả nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thì N chốt tiền lãi từ ngày 13/8/2019 đến 24/8/2019 là 9.540.000 đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tương ứng với 12 ngày tiền lãi. Như vậy tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng từ khoản vay phát sinh 159.000.000 đồng là 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 159 triệu đồng x 12 ngày = 1.045.479 đồng (một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 9.540.000 đồng - 1.045.479 đồng = 8.494.520,94 đồng (tám triệu bốn chăm chín tư nghìn năm trăm hai mươi phẩy chín tư đồng). nhưng khoản lãi này O chưa trả ngay mà đến ngày 30/8.2019 mới trả.

Từ ngày 24/8/2019, khoản vay còn 109.000.000 đồng (một trăm linh chín triệu đồng). Ngày 29/8/2019 O trả tiền nợ gốc cho N là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lúc này N chốt tiền lãi từ ngày 24/8/2019 đến ngày 29/8/2019 là 3.270.000 đồng (ba triệu hai trăm bẩy mươi nghìn đồng) tương ứng với 06 ngày tiền lãi. Như vậy tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng từ khoản vay phát sinh 109.000.000 đồng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 109 triệu đồng x 6 ngày = 358.356,03 đồng (ba trăm năm mươi tám nghìn ba trăm năm sáu phẩy không ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 3.270.000 đồng - 358.356,03 đồng = 2.911.643,97 đồng (hai triệu chín tẳm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi ba phẩy chín bảy đồng), nhưng khoản lãi này O chưa trả ngay mà đến ngày 30/8/2019 mới trả.

Số nợ gốc còn lại là 9.000.000đ (chín triệu đông), N không tính lãi nữa. Ngày 30/8/2019 O trả hết tiền nợ gốc còn lại 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) cho N đồng thời trả tiền lãi là: 9.540.000 đồng + 3.270.000 đồng = 12.810.000 đồng (mười hai triệu tám trăm mười nghìn đồng). Như vậy, tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng từ khoản vay 109.000.000 đồng (một trăm linh chín triệu đồng) từ ngày 24/8/2019 đến ngày 29/8/2019 (06 ngày): 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 109 triệu x 06 ngày = 358.356,03 đồng (ba trăm năm tám nghìn ba trăm năm sáu phẩy không ba đồng). Số tiền N thu lợi bất chính của các lần này là: (9.540.000 đồng + 3.270.000 đồng) -

(1.045.479,06 đồng + 358.356,03 đồng) = 11.406.164,91 đồng (mười một triệu bốn trăm linh sáu nghìn một trăm sáu tư phẩy chín mốt đồng).

Lần thứ mười một: Ngày 29/8/2019 O vay N 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Khoản vay này O chưa trả tiền lãi và tiền vay gốc cho N lần nào. Từ ngày 01/10/2019 biết O không có khả năng trả lãi nên N thống nhất với O không tính lãi đối với khoản vay này nữa và cũng chưa chốt nợ với O.

Như vậy, từ ngày giao kết hợp đồng 29/8/2019 N chưa thu tiền lãi từ khoản vay này và chưa chốt nợ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định số tiền mà N tính để thu lợi bất chính và số tiền thu lợi bất chính.

4. Trường hợp Dương Thị N2, sinh năm 1982, trú tại: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 16/8/2019 N2 vay N 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Ngày 06/9/2019 N2 trả lãi suất cho N 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) tương ứng với 22 ngày tiền lãi và trả hết tiền vay gốc. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định thì tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng là: 547,945 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 10 triệu đồng x 22 ngày = 120.547,9 đồng (một trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn bảy phẩy chín đồng). Số tiền N thu lợi bất chính là: 1.100.000 đồng - 120.547,9 đồng = 979.452,1 đồng (chín trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai phẩy một đồng).

Như vậy tổng số tiền Lý Thị Ngọc N đã thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị A, Dương Thị N1, Dương Thị Kim O và Dương Thị Nguyết là 5.965.753 đồng + 69.425.547 đồng + 63.717.808 đồng + 979.452 đồng = 140.088.560 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu

Tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Lý Thị Ngọc N:

- 01 (một) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị Kim O;

- 02 (hai) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị N1;

- 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, bên ngoài có ghi chứ "Inpression the bets solution for your work" bên trong có ghi nhiều chữ và số;

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 6, màu vàng cát trắng, số IMEI: 359233067767834, lắp sim số 0948700886.

Bản cáo trạng số 17/CT- VKS ngày 19 tháng 5 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lý Thị Ngọc N về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lý Thị Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý Thị Ngọc N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201 điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Thị Ngọc N từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án:

- 01 (một) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị Kim O;

- 02 (hai) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị N1;

- 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, bên ngoài có ghi chứ "Inpression the bets solution for your work" bên trong có ghi nhiều chữ và số;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 6, màu vàng cát trắng.

Truy thu số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo 911.200.000đ.

Truy thu số tiền gốc chưa trả của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dương Thị Kim O 40.000.000đ; Dương Thị N1 251.800.000đ.

Truy thu số tiền lãi hợp pháp là tiền do phạm tội mà có của bị cáo 16.872.137đ.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dung Điều 123,131, 357 và 468 Bộ luật Dân sự

Bị cáo phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị A 5.965.753đ; Dương Thị N1 69.425.547đ; Dương Thị Kim O 63.717.808đ; Dương Thị N2 979.452đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2019, bị cáo Lý Thị Ngọc N đã cho 04 người cư trú trên địa bàn huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn vay tiền nhiều lần với lãi suất cao từ 5.000 đồng đến 6.000

đồng/1triệu/ 1ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 182,5%/ 1 năm đến 219,0% gấp từ trên 09 lần trở lên mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Cho Nguyễn Thị A vay hai lần với số tiền 70.000.000 đồng (bẩy mươi triệu đồng), thu lợi bất chính 5.965.753 đồng; cho Dương Thị N1 vay sáu lần với số tiền 580.000.000 đồng, thu lãi bất hợp pháp 69.425.547 đồng; cho Dương Thị Kim O vay mười một lần với số tiền 543.000.000 đồng, thu lãi bất hợp pháp 63.717.808 đồng; cho Dương Thị N2 vay một lần vơi số tiền 10.000.000 đồng, thu lãi bất hợp pháp 979.452 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 140.088.560 đồng (một trăm bốn mươi triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lý Thị Ngọc N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[2] Cáo trạng số 17/CT-VKS, ngày 09/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lý Thị Ngọc N về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo hám lợi, vụ án tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì hám lợi mà cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe, làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[5] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt; về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có bà ngoại là bà Phạm Thị S được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hung, bị cáo được chính quyền địa phương và cơ quan đơn vị nơi công tác xác nhận luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện tốt quy định của địa phương nơi cư trú cũng như đơn vị nơi bị cáo đang công tác nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích trên khi lượng hình cần quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bảo đảm tính giáo dục và có tính răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thật sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi làm việc ổn định, cứ trú cụ thể ró ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương là phù hợp, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự giác cải tạo tốt trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị Kim O; 02 (hai) giấy vay tiền viết tay có chữ ký của người vay là Dương Thị N1; 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, bên ngoài có ghi chứ "Inpression the bets solution for your work" bên trong có ghi nhiều chữ và số là các giấy tờ vay nợ liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 6, màu vàng cát trắng là của bị cáo liên lạc vào việc cho vay nợ nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc bị cáo cho vay, người vay đã trả 911.200.000đ là phương tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị Kim O 40.000.000đ; Dương Thị N1 251.800.000đ chưa trả cho bị cáo cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước;

Số tiền lãi hợp pháp của bị cáo 16.872.137đ là tiền do phạm tội mà có nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước;

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị A 5.965.753đ; Dương Thị N1 69.425.547đ; Dương Thị Kim O 63.717.808đ; Dương Thị N2 979.452đ.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 123, 131, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thị Ngọc N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lý Thị Ngọc N 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10 tháng 7 năm 2020 và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Bắc Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Phạt bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lý Thị Ngọc N phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị A 5.965.753đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi năm nghìn bảy trăm năm ba đồng); Dương Thị N1 69.425.547đ (Sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn năm trăm bốn bảy đồng); Dương Thị Kim O 63.717.808đ (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng); Dương Thị N2 979.452đ (Chín trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm hai đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Bị cáo Lý Thị Ngọc N phải nộp truy thu số tiền 928.072.137,đ (Chín trăm hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn một trăm ba bảy đồng) để nộp ngân sách Nhà nước;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị Kim O phải nộp truy thu số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị N1 phải nộp truy thu số tiền 251.800.000đ (Hai trăm năm mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 6, màu vàng cát trắng.

(Vật chứng điện thoại di động hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thị hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Bị cáo Lý Thị Ngọc N phải trịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.004.428đ (Bẩy triệu không trăm linh tư nghìn bốn trăm hai tám đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo Lý Thị Ngọc N phải trịu 7.204.428đ (Bẩy triệu hai trăm linh tư nghìn bốn trăm hai tám đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn;
- Công an huyện Bắc Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Công Đức